PHỤ LỤC

PHÂN BỔ KINH PHÍ NGUỒN VỐN SỰ NGHIỆP THỰC HIỆN CÁC NỘI DUNG THUỘC CHƯƠNG TRÌNH NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số 782 /QĐ-UBND ngày 26/10/2026 của Ủy ban nhân dân xã Ba Vinh)

Phân bổ kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số năm 2026

TT	Nội dung	Tổng kinh phí	Đơn vị thực hiện	Ghi chú
	Tổng cộng	**1.417,0**		
	Ngân sách trung ương	**1.138,0**		
	Ngân sách tỉnh	**247,0**		
	Ngân sách xã	**32,0**		
I	**HỢP PHẦN THỨ NHẤT: CÁC NỘI DUNG CHUNG THỰC HIỆN TRÊN ĐỊA BÀN**	**1.367,0**		
1	**Nội dung thành phần 02: Phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn toàn diện, đồng bộ, hiện đại, kết nối hiệu quả với đô thị và thích ứng với biến đổi khí hậu (gồm 14 nội dung cụ thể)**	**656,0**		-
1.1	Nội dung 01: Tiếp tục hoàn thiện và nâng cao chất lượng hệ thống hạ tầng giao thông (bao gồm cả cầu dân sinh, công trình giao thông) phục vụ dân sinh, sản xuất và kinh doanh trên địa bàn xã, thôn; hạ tầng giao thông kết nối liên xã, liên thôn theo hướng đồng bộ, hiện đại, thích ứng với biến đổi khí hậu, phù hợp với đặc thù vùng, miền và bảo đảm kết nối hiệu quả. Trong đó, tập trung, ưu tiên hỗ trợ đầu tư cho các xã, thôn đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào DTTS&MN, an toàn khu, biên giới và hải đảo	**521,0**	**PHÒNG KINH TẾ THỰC HIỆN**	
	Ngân sách trung ương (Mã CTMT: 10103)	417,0		
	Ngân sách tỉnh (Mã CTMT: 20103)	92,0		
	Ngân sách xã (Mã CTMT: 40103)	12,0		
1.3	Nội dung 09: Hiện đại hóa hệ thống truyền thanh xã để cung cấp thông tin thiết yếu đến người dân (bao gồm thiết lập mới đài truyền thanh xã; nâng cấp hoạt động của đài truyền thanh xã; mở rộng cụm thu phát thanh ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông đối với các thôn). Tập trung, ưu tiên hỗ trợ đầu tư cho các xã, thôn đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào DTTS&MN, an toàn khu, biên giới và hải đảo;	**135,0**	**TRUNG TÂM CUNG ỨNG DỊCH VỤ CÔNG THỰC HIỆN**	
	Ngân sách trung ương (Mã CTMT: 10103)	109,0		
	Ngân sách tỉnh (Mã CTMT: 20103)	24,0		
	Ngân sách xã (Mã CTMT: 40103)	2,0		
2	**Nội dung thành phần 03: Phát triển kinh tế nông thôn theo hướng sinh thái, hiện đại, tích hợp đa giá trị và đáp ứng nhu cầu thị trường (gồm 10 nội dung cụ thể)**	**35,0**	-	
2.1	Nội dung 04: Phát triển sản phẩm OCOP theo Bộ tiêu chí và quy trình đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, theo hướng chất lượng, đặc trưng, đa giá trị, thân thiện với môi trường, gắn với đẩy mạnh ứng dụng công nghệ trong chế biến, khai thác tiềm năng, lợi thế và giá trị văn hóa địa phương; xây dựng thương hiệu, mở rộng thị trường và thúc đẩy sản phẩm OCOP xanh. Tập trung, ưu tiên hỗ trợ cho các chủ thể là các hợp tác xã, tổ hợp tác, doanh nghiệp nhỏ và vừa, trang trại và hộ sản xuất có đăng ký kinh doanh trên địa bàn các xã, thôn đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào DTTS&MN, an toàn khu, biên giới và hải đảo; khuyến khích chủ thể là phụ nữ, người đồng bào dân tộc thiểu số, người khuyết tật tham gia sản xuất sản phẩm OCOP	**35,0**	**PHÒNG KINH TẾ THỰC HIỆN**	
	Ngân sách trung ương (Mã CTMT: 10105)	28,0		
	Ngân sách tỉnh (Mã CTMT: 20105)	6,0		
	Ngân sách xã (Mã CTMT: 40105)	1,0		
3	**Nội dung thành phần 05: Nâng cao chất lượng dịch vụ hành chính công, trợ giúp pháp lý và thúc đẩy bình đẳng giới (gồm 04 nội dung cụ thể)**	**120,0**	-	
3.1	Nội dung 02: Đổi mới toàn diện việc giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công không phụ thuộc địa giới hành chính	**40,0**	**TT PHỤC VỤ HÀNH CHÍNH CÔNG THỰC HIỆN**	
	Ngân sách trung ương (Mã CTMT: 10108)	32,0		
	Ngân sách tỉnh (Mã CTMT: 20108)	7,0		
	Ngân sách xã (Mã CTMT: 40108)	1,0		

3.2	Nội dung 03: Nâng cao nhận thức, tăng cường khả năng tiếp cận pháp luật và thụ hưởng dịch vụ trợ giúp pháp lý, hỗ trợ pháp lý, biện pháp bảo đảm, đăng ký biện pháp bảo đảm, bồi thường của Nhà nước cho người dân; tăng cường phổ biến, giáo dục pháp luật và hòa giải cơ sở, nhằm nâng cao ý thức thượng tôn Hiến pháp, pháp luật, xây dựng nếp sống và hành vi ứng xử theo pháp luật trong cộng đồng dân cư nông thôn, giải quyết tốt các mâu thuẫn, tranh chấp ở khu vực nông thôn, tập trung, ưu tiên người dân thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, nhóm dễ bị tổn thương, người dân tại các xã, thôn đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào DTTS&MN, an toàn khu, biên giới và hải đảo... Đánh giá tính thống nhất, đồng bộ, phù hợp và kiến nghị sửa đổi, bổ sung, thay thế, hoàn thiện văn bản quy phạm pháp luật về công tác xây dựng NTM, giảm nghèo, phát triển vùng đồng bào DTTS&MN thuộc phạm vi chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước của Bộ	**40,0**	**VĂN PHÒNG HĐND&UBND XÃ THỰC HIỆN**	
	Ngân sách trung ương (Mã CTMT: 10108)	32,0		
	Ngân sách tỉnh (Mã CTMT: 20108)	7,0		
	Ngân sách xã (Mã CTMT: 40108)	1,0		
3.3	Nội dung 04: Tăng cường thực hiện lồng ghép giới trong xây dựng chính sách, chương trình về giảm nghèo, an sinh xã hội, xây dựng nông thôn mới, phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN. Thúc đẩy bình đẳng giới trong công tác giảm nghèo, xây dựng nông thôn mới và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN ở địa phương. Đẩy mạnh truyền thông nhằm thay đổi định kiến giới. Tăng cường vai trò, vị thế của phụ nữ trong lãnh đạo, quản lý và phát triển cộng đồng; tổ chức triển khai các chỉ tiêu bình đẳng giới ; nâng cao nhận thức về giới trong xây dựng cộng đồng văn minh, tiến bộ	**40,0**	**PHÒNG VĂN HÓA-XÃ HỘI THỰC HIỆN**	
	Ngân sách trung ương (Mã CTMT: 10108)	32,0		
	Ngân sách tỉnh (Mã CTMT: 20108)	7,0		
	Ngân sách xã (Mã CTMT: 40108)	1,0		
4	**Nội dung thành phần 06: Phát triển khoa học, công nghệ và chuyển đổi số ở nông thôn (gồm 02 nội dung cụ thể)**	**60,0**	**-**	
4.1	Nội dung 02: Đẩy mạnh chuyển đổi số, chuyển giao tiến bộ khoa học - kỹ thuật, công nghệ phục vụ đời sống, phát triển kinh tế nông thôn và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN; phát triển và nhân rộng các mô hình "thôn thông minh"	**60,0**	**PHÒNG VĂN HÓA-XÃ HỘI THỰC HIỆN**	
	Ngân sách trung ương (Mã CTMT: 10109)	48,0		
	Ngân sách tỉnh (Mã CTMT: 20109)	10,0		
	Ngân sách xã (Mã CTMT: 40109)	2,0		
5	**Nội dung thành phần 07: Xây dựng môi trường và cảnh quan nông thôn sáng, xanh, sạch, đẹp, an toàn và thích ứng với biến đổi khí hậu; tăng cường công tác bảo đảm an toàn thực phẩm tại khu vực nông thôn (gồm 04 nội dung cụ thể)**	**30,0**	**-**	
5.1	Nội dung 04: Tăng cường công tác bảo đảm an toàn thực phẩm tại khu vực nông thôn; nâng cao ý thức, trách nhiệm tuân thủ pháp luật về chất lượng, an toàn thực phẩm của tổ chức, cá nhân trong sản xuất, kinh doanh, tiêu dùng thực phẩm an toàn; ưu tiên đẩy mạnh ứng dụng khoa học và công nghệ, chuyển đổi số trong công tác quản lý, kiểm soát và giám sát an toàn thực phẩm	**30,0**	**PHÒNG VĂN HÓA-XÃ HỘI THỰC HIỆN**	
	Ngân sách trung ương (Mã CTMT: 10111)	24,0		
	Ngân sách tỉnh (Mã CTMT: 20111)	5,0		
	Ngân sách xã (Mã CTMT: 40111)	1,0		
6	**Nội dung thành phần 08: Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trong xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào DTTS&MN (gồm 05 nội dung cụ thể)**	**120,0**	**-**	
6.1	Nội dung 01: Tuyên truyền, vận động phát huy vai trò chủ thể của người dân trong xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững, phát triển kinh tế vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Triển khai hiệu quả Cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng NTM, đô thị văn minh"; xây dựng, nhân rộng mô hình "Khu dân cư đoàn kết, ấm no, hạnh phúc", tổ chức lấy ý kiến sự hài lòng của người dân về xây dựng nông thôn mới. Thực hiện công tác an sinh xã hội gắn với xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững, phát triển kinh tế vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; thực hiện chuyển đổi số trong triển khai thực hiện Chương trình. Nâng cao chất lượng công tác giám sát, phản biện xã hội trong xây dựng, triển khai thực hiện Chương trình	**30,0**	**MẶT TRẬN TQVN XÃ THỰC HIỆN**	
	Ngân sách trung ương (Mã CTMT: 10112)	24,0		

	Ngân sách tỉnh (Mã CTMT: 20112)	5,0		
	Ngân sách xã (Mã CTMT: 40112)	1,0		
6.2	Nội dung 02: Triển khai hiệu quả Phong trào "Nông dân thi đua sản xuất kinh doanh giỏi, đoàn kết giúp nhau làm giàu và giảm nghèo bền vững"; xây dựng các chi Hội Nông dân nghề nghiệp, tổ Hội Nông dân nghề nghiệp theo nguyên tắc "5 tự", "5 cùng"; Đề án "Hội Nông dân Việt Nam tham gia phát triển kinh tế tập thể trong nông nghiệp đến năm 2030"; Đề án "Tuyên truyền, vận động, hướng dẫn nông dân sản xuất, kinh doanh nông sản, thực phẩm an toàn vì sức khoẻ cộng đồng giai đoạn 2026 - 2030"	**30,0**	**MẶT TRẬN TQVN XÃ THỰC HIỆN**	
	Ngân sách trung ương (Mã CTMT: 10112)	24,0		
	Ngân sách tỉnh (Mã CTMT: 20112)	5,0		
	Ngân sách xã (Mã CTMT: 40112)	1,0		
8.3	Nội dung 03: Triển khai hiệu quả Đề án "Hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp giai đoạn 2026-2035"; Đề án "Hỗ trợ HTX do phụ nữ tham gia quản lý, tạo việc làm cho lao động nữ đến năm 2030"; giải quyết các vấn đề xã hội liên quan đến phụ nữ và trẻ em	**30,0**	**MẶT TRẬN TQVN XÃ THỰC HIỆN**	
	Ngân sách trung ương (Mã CTMT: 10112)	24,0		
	Ngân sách tỉnh (Mã CTMT: 20112)	5,0		
	Ngân sách xã (Mã CTMT: 40112)	1,0		
8.4	Nội dung 05: Triển khai hiệu quả Chương trình hỗ trợ Thanh niên khởi nghiệp giai đoạn 2022-2030; Chương trình trí thức trẻ tình nguyện tham gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2026-2030; thúc đẩy phong trào "Tuổi trẻ chung tay xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2035"	**30,0**	**MẶT TRẬN TQVN XÃ THỰC HIỆN**	
	Ngân sách trung ương (Mã CTMT: 10112)	24,0		
	Ngân sách tỉnh (Mã CTMT: 20112)	5,0		
	Ngân sách xã (Mã CTMT: 40112)	1,0		
9	**Nội dung thành phần 09: Bảo đảm quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội (gồm 02 nội dung cụ thể)**	**311,0**	**-**	
9.1	Nội dung 01: Xây dựng lực lượng dân quân vững mạnh, rộng khắp, hoàn thành các chỉ tiêu quân sự, quốc phòng được giao; góp phần xây dựng nền quốc phòng toàn dân gắn với nền an ninh nhân dân, thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân; tích cực xây dựng địa bàn nông thôn vững mạnh, toàn diện, bảo đảm giữ vững tiêu chí quân sự, quốc phòng trong xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững	**155,5**	**BAN CHỈ HUY QUÂN SỰ XÃ THỰC HIỆN**	
	Ngân sách trung ương (Mã CTMT: 10113)	126,0		
	Ngân sách tỉnh (Mã CTMT: 20113)	27,0		
	Ngân sách xã (Mã CTMT: 40113)	2,5		
9.2	Nội dung 02: An ninh, trật tự ở địa bàn cơ sở được bảo đảm, phát hiện, giải quyết kịp thời các nguy cơ tiềm ẩn về an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội, những vấn đề phức tạp nảy sinh từ sớm, từ xa, từ cơ sở; đồng thời phải sẵn sàng các phương án để đối phó kịp thời và hiệu quả khi xảy ra tình huống phức tạp theo phương châm "bốn tại chỗ", không để hình thành các điểm nóng phức tạp về an ninh, trật tự; kiềm chế, kéo giảm tội phạm, tai nạn giao thông, cháy, nổ trên địa bàn; phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc hoạt động hiệu quả; lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở đảm bảo số lượng, chất lượng, điều kiện hoạt động; xây dựng, củng cố, nhân rộng các mô hình bảo đảm an ninh, trật tự, đặc biệt là các mô hình chuyển đổi số, mô hình camera AI giám sát an ninh khu vực nông thôn	**155,5**	**CÔNG AN XÃ THỰC HIỆN**	
	Ngân sách trung ương (Mã CTMT: 10113)	126,0		
	Ngân sách tỉnh (Mã CTMT: 20113)	27,0		
	Ngân sách xã (Mã CTMT: 40113)	2,5		
10,0	**Nội dung thành phần 10: Nâng cao năng lực, truyền thông, giám sát, đánh giá; triển khai hiệu quả phong trào thi đua về xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN (gồm 04 nội dung cụ thể)**	**35,0**	**-**	
10.1	Nội dung 01: Nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình ở các cấp; xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu quản lý Chương trình. Rà soát, đánh giá hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm	**35,0**	**PHÒNG KINH TẾ THỰC HIỆN**	

	Ngân sách trung ương (Mã CTMT: 10114)	28,0		
	Ngân sách tỉnh (Mã CTMT: 20114)	6,0		
	Ngân sách xã (Mã CTMT: 40114)	1,0		
II	**HỢP PHẦN THỨ HAI: CÁC NỘI DUNG ĐẶC THÙ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DTTS&MN**	**50,0**		
1	**Nội dung thành phần 01: Đầu tư xây dựng, hoàn thiện cơ sở hạ tầng đặc thù vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (gồm 05 nội dung cụ thể)**	**50,0**	**-**	
1.3	Nội dung 05: Hỗ trợ thiết lập, duy trì các điểm hỗ trợ đồng bào DTTS ứng dụng công nghệ thông tin tại xã, thôn để phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm an ninh trật tự	**50,0**	**PHÒNG VĂN HÓA - XÃ HỘI THỰC HIỆN**	
	Ngân sách trung ương (Mã CTMT: 10119)	40,0		
	Ngân sách tỉnh (Mã CTMT: 20119)	9,0		
	Ngân sách xã (Mã CTMT: 40119)	1,0		



PHỤ LỤC 06

(Kèm theo Quyết định số: 782/QĐ-UBND ngày 26/10/2026 của UBND xã Ba Vinh)

ĐVT: đồng

STT	NỘI DUNG/ĐƠN VỊ	Mã QHNS	Nội dung	Mã chương- mã ngành	Mã nguồn	Mã CTMT	DỰ TOÁN	GHI CHÚ
1	Trung tâm cung ứng dịch vụ công xã	1162557	Nội dung 09 - NDTP số 2	821-191	12	10103	109.000.000	
					12	20103	24.000.000	
					12	40103	2.000.000	
				Cộng 191:			135.000.000	
2	Phòng Kinh tế xã	1162874	Nội dung 01 - NDTP số 2	831-292	12	10103	417.000.000	
					12	20103	92.000.000	
					12	40103	12.000.000	
				Cộng: 292			521.000.000	
			Nội dung 04 - NDTP số 3	831-281	12	10105	28.000.000	
					12	20105	6.000.000	
					12	40105	1.000.000	
				Cộng: 281			35.000.000	
			Nội dung 01 - NDTP số 10	831-341	12	10114	28.000.000	
					12	20114	6.000.000	
					12	40114	1.000.000	
				Cộng: 341			35.000.000	
3	Phòng Văn hóa - xã hội xã	1164225	Nội dung 04 - NDTP số 5	832-341	12	10108	32.000.000	
					12	20108	7.000.000	
					12	40108	1.000.000	
				Cộng: 341			40.000.000	
			Nội dung 02 - NDTP số 6	832-103	12	10109	48.000.000	
					12	20109	10.000.000	
					12	40109	2.000.000	
				Cộng: 103			60.000.000	
			Nội dung 04 - NDTP số 7	832-134	12	10111	24.000.000	
					12	20111	5.000.000	
					12	40111	1.000.000	
				Cộng: 134			**30.000.000**	
			Nội dung 05 - NDTP số 1 - Hợp phần thứ 2	832-314	12	10119	40.000.000	
					12	20119	9.000.000	
					12	40119	1.000.000	
				Cộng: 314			**50.000.000**	
4	Trung tâm PV Hành chính công xã	3035062	Nội dung 02 - NDTP số 5	833-341	12	10108	32.000.000	
					12	20108	7.000.000	
					12	40108	1.000.000	
				Cộng 341:			40.000.000	
5	Văn phòng HĐND &UBND xã	1162462	Nội dung 03 - NDTP số 5	830-341	12	10108	32.000.000	
					12	20108	7.000.000	
					12	40108	1.000.000	
				Cộng 341:			40.000.000	
			Nội dung 02 - NDTP số 9	830-041	12	10113	126.000.000	
					12	20113	27.000.000	
					12	40113	2.500.000	
				Cộng 041:			155.500.000	
6	Mặt trận TQVN xã	1164254	Nội dung 1, 2,3,5 - NDTP số 8	820-361	12	10112	96.000.000	
					12	20112	20.000.000	
					12	40112	4.000.000	
				Cộng 361:			120.000.000	
7	BCH quân sự xã	1053630	Nội dung 1 - NDTP số 9	860-011	12	10113	126.000.000	Lệnh chi tiền
					12	20113	27.000.000	
					12	40113	2.500.000	
				Cộng 011:			155.500.000	
TỔNG CỘNG, *trong đó*							**1.417.000.000**	
Ngân sách trung ương							1.138.000.000	
Ngân sách tỉnh							247.000.000	
Ngân sách xã đối ứng							32.000.000	